

Số: 43/QĐ-MNMH

Mỹ Lộc, ngày 23 tháng 6 năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công khai quyết toán thu – chi các khoản thu của học sinh
năm học 2025-2026 của Trường Mầm non Mỹ Hưng

HIỆU TRƯỞNG TRƯỜNG MẦM NON MỸ HƯNG

Căn cứ Công văn số 927/SGDDĐT-TC ngày 25/09/2025 của Sở GD&ĐT tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện các khoản thu tại các cơ sở giáo dục công lập đối với cơ sở giáo dục do tỉnh Ninh Bình quản lý năm học 2025-2026;

Căn cứ hướng dẫn số 758/SGDDĐT-GDMN ngày 10/9/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo tỉnh Ninh Bình về việc thực hiện nhiệm vụ giáo dục mầm non năm học 2025-2026;

Căn cứ công văn số 606/SGDDĐT-CTHSSV ngày 25 tháng 8 năm 2025 về việc triển khai ứng dụng liên lạc điện tử kết nối giữa gia đình và nhà trường;

Căn cứ Công văn số 1635/UBND- VHXH ngày 27/09/2025 của Phường Mỹ Lộc về việc tăng cường công tác quản lý thu chi tài chính năm học 2025-2026;

Căn cứ Nghị quyết số 30/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Ninh Bình về việc Quy định danh mục thu và mức thu, cơ chế quản lý thu, chi các khoản dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục đối với cơ sở giáo dục công lập của tỉnh Ninh Bình;

Căn cứ vào công văn số 37/SGDDĐT-TC ngày 08/01/2026 về việc hướng dẫn thực hiện các khoản thu dịch vụ phục vụ, hỗ trợ hoạt động giáo dục theo NQ số 30/2025/NQ-HĐND ngày 09/12/2025 của HĐND tỉnh Ninh Bình;

Xét đề nghị của bộ phận phụ trách kế toán nhà trường.

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1: Công bố công khai Quyết toán thu – chi tiền các khoản thu của học sinh năm học 2025 - 2026 của Trường Mầm non Mỹ Hưng (theo biểu đính kèm)

Điều 2: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3: Bộ phận phụ trách kế toán, văn phòng, các bộ phận có liên quan của Trường Mầm non Mỹ Hưng chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Nơi nhận:

- Trang thông tin điện tử trường;
- Như điều 3;
- Lưu VP.



Đào Thị Xuyên

Biểu số 4

Đơn vị: Trường Mầm non Mỹ Hưng

Chương: 822

**QUYẾT TOÁN THU - CHI CÁC KHOẢN THỎA THUẬN NGOÀI HỌC PHÍ NĂM HỌC
2025 - 2026**

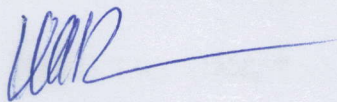
Đơn vị tính: Đồng					Đồng
STT	Nội dung	Tổng số liệu báo cáo quyết toán	Tổng số liệu quyết toán được duyệt	Chênh lệch	Số quyết toán được duyệt chi tiết từng đơn vị trực thuộc (nếu có đơn vị trực thuộc)
1	2	3	4	5=4-3	6
A	Dịch vụ nước uống				
I	Quyết toán thu (Nước uống)	49.430.000	49.430.000	0	
II	Quyết toán chi (Nước uống)	49.430.000	49.430.000	0	
1	Chi tiền công đun nước uống	28.000.000	28.000.000	0	
2	Chi tiền nước sạch	12.949.690	12.949.690		
3	Chi sửa chữa, bảo dưỡng máy lọc nước	6.200.000	6.200.000	0	
4	Mua cốc uống nước, bình inox	2.280.310	2.280.310	0	
B	Dịch vụ ăn uống, bán trú				
I	Quyết toán thu	1.500.884.000	1.500.884.000	0	
II	Quyết toán chi	1.500.884.000	1.500.884.000	0	
1	Chi tiền ăn	1.312.456.000	1.312.456.000	0	
2	Chi tiền chất đốt, phụ phí	120.462.000	120.462.000		
3	Trả lại PHHS	67.966.000	67.966.000		
C	Dịch vụ quản lý học sinh bán trú				
I	Quyết toán thu	378.396.000	378.396.000	0	
II	Quyết toán chi	378.396.000	378.396.000	0	

1	Chi cho CBQL, giáo viên trực tiếp coi trẻ buổi trưa	361.386.000	361.386.000	0	
2	Trả lại tiền thừa cho phụ huynh học sinh	17.010.000	17.010.000	0	
D	Dịch vụ nấu ăn				
I	Quyết toán thu	301.430.000	301.430.000	0	
II	Quyết toán chi	301.430.000	301.430.000	0	
1	Chi thuê người nấu ăn	301.430.000	301.430.000	0	
E	Thu tiền dịch vụ trông giữ, chăm sóc trẻ em ngày nghỉ				
I	Quyết toán thu	174.900.000	174.900.000	0	
II	Quyết toán chi	174.900.000	174.900.000	0	
1	Chi nộp thuế TNDN 2%	3.211.200	3.211.200		
2	Chi thù lao cho giáo viên trực tiếp, và công tác quản lý	136.113.768	136.113.768	0	
3	Chi điện nước, sửa chữa CSVC nhỏ, phí NH	21.235.032	21.235.032	0	
4	Trả lại tiền học thêm thứ 7 cho phụ huynh học sinh	14.340.000	14.340.000	0	
F	Dịch vụ vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh				
I	Quyết toán thu	78.216.000	78.216.000	0	
II	Quyết toán chi	78.216.000	78.216.000	0	
1	Chi tiền công vệ sinh lớp học, nhà vệ sinh	34.940.000	34.940.000	0	
2	Chi đồ dùng, dụng cụ vệ sinh	36.882.400	36.882.400	0	
3	Chi tiền dịch vụ thu gom, vận chuyển và xử lý rác thải sinh hoạt	6.393.600	6.393.600		
G	Dịch vụ cung cấp thiết bị, đồ dùng phục vụ bán trú				
I	Quyết toán thu	31.800.000	31.800.000	0	
II	Quyết toán chi	31.800.000	31.800.000	0	
1	Chi đồ dùng phục vụ nuôi ăn bán trú	31.800.000	31.800.000	0	
H	Tiền app vnedu				
I	Quyết toán thu	17.100.000	17.100.000	0	

II	Quyết toán chi	17.100.000	17.100.000	0	
1	Chi tiền app vnedu	17.100.000	17.100.000	0	

Ngày 23 tháng 06 năm 2026

KẾ TOÁN



Đặng Thanh Vân

HIỆU TRƯỞNG



Đào Thị Xuyên